

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **21** /2021/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày **12** tháng **8** năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển
trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2026**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy
phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14
tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi
hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của
Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân
khai thác, sử dụng tài nguyên biển;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 260/TTr-
STNMT ngày 15 tháng 6 năm 2021, Công văn số 2815/STNMT-CCBHĐ ngày 03
tháng 8 năm 2021; Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 87/BC-STP ngày 09
tháng 6 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển của tổ chức, cá nhân trên
địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2026 khi được cơ quan quản lý nhà
nước có thẩm quyền giao, công nhận khu vực biển để khai thác, sử dụng tài

nguyên biển theo quy định tại Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

b) Quyết định này không áp dụng đối với các trường hợp quy định tại Điều 31 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các tổ chức, cá nhân được giao, công nhận khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo quy định tại Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ.

b) Cơ quan quản lý nhà nước, cấp có thẩm quyền giao khu vực biển.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Phân loại hoạt động sử dụng khu vực biển và mức thu tiền sử dụng khu vực biển

1. Phân loại hoạt động sử dụng khu vực biển

Các hoạt động sử dụng khu vực biển phải nộp tiền sử dụng khu vực biển được phân thành 6 nhóm theo mục đích sử dụng khu vực biển như sau:

a) Nhóm 1: Sử dụng khu vực biển để nhận chìm (danh mục vật, chất được nhận chìm quy định tại Điều 60 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Tài nguyên, Môi trường biển và hải đảo).

b) Nhóm 2: Sử dụng khu vực biển để làm cảng biển, cảng nổi, cảng dầu khí ngoài khơi và các cảng, bến khác; làm vùng nước trước cầu cảng, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyển tải, luồng hàng hải chuyên dùng, các công trình phụ trợ khác; vùng nước phục vụ hoạt động của cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu thuyền, xây dựng cảng tàu vận tải hành khách; vùng nước phục vụ hoạt động nhà hàng, khu dịch vụ vui chơi, giải trí, thể thao trên biển; khu neo đậu, trú nghỉ đêm của tàu thuyền du lịch; khai thác dầu khí; khai thác khoáng sản; trục vớt hiện vật, khảo cổ.

c) Nhóm 3: Sử dụng khu vực biển để xây dựng cáp treo, các công trình nổi, ngầm, lặn biển, đảo nhân tạo, xây dựng dân dụng và các công trình khác trên biển.

d) Nhóm 4: Sử dụng khu vực biển để xây dựng hệ thống đường ống dẫn ngầm, lắp đặt cáp viễn thông, cáp điện.

e) Nhóm 5: Sử dụng khu vực biển để nuôi trồng thủy sản, xây dựng cảng cá.

g) Nhóm 6: Sử dụng khu vực biển để khai thác năng lượng gió, sóng, thủy triều, dòng hải lưu và các hoạt động sử dụng khu vực biển khác.

2. Mức thu áp dụng tính thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng nhóm hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển thuộc địa phận hành chính thành phố Hải Phòng trong vùng biển 6 hải lý tính từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình nhiều năm được quy định cụ thể như sau:

Nhóm	Các quận, huyện khác (trừ huyện: Cát Hải và Bạch Long Vĩ) (đồng/ha/năm)	Huyện: Cát Hải và Bạch Long Vĩ (đồng/ha/năm)
Nhóm 1	20.000 (đồng/m ³)	20.000 (đồng/m ³)
Nhóm 2	7.500.000	7.500.000
Nhóm 3	7.000.000	6.500.000
Nhóm 4	6.000.000	5.000.000
Nhóm 5	6.000.000	6.000.000
Nhóm 6	4.000.000	3.000.000

3. Trường hợp trong cùng một khu vực biển có nhiều hoạt động sử dụng khu vực biển theo các mục đích khác nhau nhưng không xác định được diện tích riêng cho mỗi mục đích sử dụng thì áp dụng mức thu cao nhất trong số các mục đích sử dụng để tính tiền sử dụng khu vực biển trong khu vực biển được giao cho tổ chức, cá nhân.

4. Đối với những hoạt động sử dụng khu vực biển chưa có quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể tại điểm g Khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân thành phố quyết định trong từng trường hợp cụ thể nhưng không thấp hơn 3.000.000 đồng/ha/năm và không cao hơn 7.500.000 đồng/ha/năm.

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu, quản lý và sử dụng tiền sử dụng khu vực biển.

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, ban hành quyết định giao, công nhận khu vực biển, chấm dứt hiệu lực, sửa đổi, bổ sung Quyết định giao, công nhận khu vực biển thuộc thẩm quyền.

b) Chủ trì xác định địa điểm, tọa độ, ranh giới, diện tích khu vực biển; phân nhóm hoạt động sử dụng khu vực biển để tính tiền sử dụng khu vực biển phải nộp đối với trường hợp thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Ủy ban nhân dân thành phố.

c) Lập dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm cho việc thực hiện nhiệm vụ giao khu vực biển thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố gửi Sở Tài chính tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và sử dụng nguồn kinh phí đảm bảo đúng quy định của pháp luật.



d) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan xây dựng trình Ủy ban nhân dân thành phố để quyết định điều chỉnh mức thu tiền sử dụng khu vực biển định kỳ 5 năm/lần đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển cụ thể trên địa bàn thuộc thẩm quyền giao của địa phương hoặc khi có các yếu tố biến động về mức thu sử dụng biển của từng khu vực biển theo quy định.

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố có ý kiến về mức thu tiền sử dụng khu vực biển theo đề nghị của Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với dự án thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường nằm trong ranh giới quản lý hành chính trên biển của thành phố Hải Phòng.

2. Cục thuế thành phố:

a) Thông báo số tiền sử dụng khu vực biển đối với từng dự án cụ thể mà tổ chức cá nhân được giao khu vực biển phải nộp theo quy định tại Quyết định này.

b) Đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức, cá nhân nộp tiền sử dụng khu vực biển vào ngân sách nhà nước theo đúng thời gian quy định tại Quyết định này.

c) Giải quyết vướng mắc liên quan đến thủ tục thu nộp và hoàn trả tiền sử dụng khu vực biển.

d) Cung cấp thông tin về tình hình thu nộp tiền sử dụng khu vực biển cho Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát hoạt động sử dụng khu vực biển của các tổ chức, cá nhân đã được giao khu vực biển.

e) Hàng năm tổng hợp số liệu về tiền sử dụng khu vực biển trên toàn địa bàn thành phố để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Tổng cục thuế và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Kho bạc Nhà nước Hải Phòng:

a) Thu đủ số tiền sử dụng khu vực biển vào Kho bạc Nhà nước theo thông báo nộp tiền sử dụng khu vực biển của cơ quan thuế.

b) Không được chuyển việc thu tiền sang ngày hôm sau khi đã nhận được đủ thủ tục nộp tiền của người có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính.

c) Không được từ chối thu khi tổ chức, cá nhân nộp tiền sử dụng khu vực biển trong giờ làm việc khi đã đầy đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân các quận, huyện ven biển:

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các đối tượng được giao sử dụng khu vực biển và các cơ quan liên quan kiểm tra, bàn giao thực địa cho tổ chức, cá nhân được cấp phép sử dụng khu vực biển, giải quyết những vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

b) Chủ động xây dựng kế hoạch và bố trí đủ kinh phí chi cho hoạt động giao khu vực biển thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ.

5. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân nộp tiền sử dụng khu vực biển:

- a) Nộp đủ số tiền sử dụng khu vực biển theo đúng phương thức và thời hạn theo Thông báo của cơ quan thuế;
- b) Sử dụng khu vực biển đúng mục đích đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2021 và thay thế Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Tổ chức, cá nhân đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận hồ sơ để giải quyết theo thủ tục hành chính về giao, công nhận khu vực biển trước ngày 30/3/2021 thì mức thu tiền sử dụng theo khu vực biển thực hiện theo quy định của Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

3. Tổ chức, cá nhân đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận hồ sơ để giải quyết theo thủ tục hành chính về giao, công nhận khu vực biển kể từ sau ngày 30/3/2021 thì mức thu tiền sử dụng khu vực biển thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện; Cục trưởng Cục thuế thành phố; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Hải Phòng và các tổ chức, cá nhân có liên quan sử dụng khu vực biển có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ TNMT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT TU, TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Như Điều 5;
- Sở Tư pháp;
- Công Thông tin điện tử thành phố;
- Đài Phát thanh và Truyền hình HP;
- VP: ĐBQH TP, HĐND TP;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Báo Hải Phòng; Công báo TP;
- Các phòng: NNTNMT, NCKTGS;
- CV: MT;
- Lưu: VT. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Anh Quân

